

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 343/2023/HNGĐ - ST

Ngày 11 – 12 - 2023

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Phương
2. Bà Trần Thị Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 280/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc Yêu cầu không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị La Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Bàn Văn M, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang chấp hành án tại Đội 15, phân trại số 4, trại giam Quyết Tiến, Bộ Công an – Địa chỉ: Thôn Đồng Đon, xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị La Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Văn M được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới hai người về chung sống tại thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai người ban đầu hạnh phúc. Nhưng đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai người vẫn

không thể tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ năm 2019, đến năm 2020 thì anh M đi chấp hành hình phạt tù. Nay chị xác định đã hết tình cảm với anh Bàn Văn M nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Bàn Văn M.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Bàn Văn M có 02 con chung là Bàn Thị L, sinh ngày 18/11/2005 và Bàn Thị T, sinh ngày 23/9/2010. Kể từ khi anh M đi chấp hành án phạt tù thì các con vẫn sống cùng chị nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Thị L và cháu Bàn Thị T đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Bàn Văn M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Bàn Thị L và cháu Bàn Thị T.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Bàn Văn M không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong Biên bản lấy lời khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bàn Văn M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị La Thị H được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới hai người về chung sống tại thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai người ban đầu hạnh phúc. Nhưng đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai người vẫn không thể tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ năm 2019, đến năm 2020 thì anh phạm tội phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Quyết Tiến. Anh đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị La Thị H theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị La Thị H có 02 con chung là Bàn Thị L, sinh ngày 18/11/2005 và Bàn Thị T, sinh ngày 23/9/2010. Kể từ khi anh đi chấp hành án phạt tù thì các con vẫn sống cùng chị H nên anh nhất trí giao cho chị La Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị La Thị H không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, kết quả thể hiện: Chị La Thị H và anh Bàn Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới chị H và anh M cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống ban đầu tình cảm hai người bình thường. Đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Chính quyền và bà con hàng xóm đã hòa giải nhiều lần nhưng hai người vẫn không tìm được tiếng nói chung. Năm 2020, anh Bàn Văn M phạm tội nên phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Quyết Tiến cho đến nay. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh M thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo

quy định của pháp luật; quá trình chung sống chị H và anh M có 02 con chung là Bàn Thị L, sinh ngày 18/11/2005 và Bàn Thị T, sinh ngày 23/9/2010; quá trình chung sống chị La Thị H và anh Bàn Văn M ở cùng nhà bố mẹ đẻ anh Minh là ông Bàn Phụ On và bà Phượng Thị Chặn nên chưa có tài sản, đất đai chung, chị H và anh M cũng không có vay nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị La Thị H:

+ Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị La Thị H và anh Bàn Văn M.

+ Về con chung: Giao cháu Bàn Thị T, sinh ngày 23/9/2010 cho chị La Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bàn Văn M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Bàn Thị T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đối với con chung là cháu Bàn Thị L, sinh ngày 18/11/2005, đến thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất, có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị La Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho chị Hà do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị La Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Bàn Văn M, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bàn Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, do nguyên đơn và bị đơn đều có Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị H và anh Bàn Văn M chung sống như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống tình cảm giữa chị H và anh M ban đầu bình thường, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Chị H xác định không còn tình cảm với anh M nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù chị La Thị H và anh Bàn Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị La Thị H và anh Bàn Văn M là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị La Thị H và anh Bàn Văn M có 02 con chung là cháu Bàn Thị L, sinh ngày 18/11/2005 và cháu Bàn Thị T, sinh ngày 23/9/2010. Quá trình giải quyết vụ án, chị La Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Thị T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Bàn Văn M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Bàn Thị T cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ là chị La Thị H. Ngoài ra, hiện tại anh Bàn Văn M đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên cũng không có điều kiện để trông nom, chăm sóc con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung là cháu Bàn Thị T cho chị La Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bàn Văn M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung là Bàn Thị L, sinh ngày 18/11/2005, đến thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản, đất đai, vay chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị La Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Bàn Văn M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị La Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị La Thị H và anh Bàn Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Thị T, sinh ngày 23/9/2010 cho chị La Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bàn Văn M không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Đối với con chung là Bàn Thị L, sinh ngày 18/11/2005, đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị La Thị H. Bị đơn anh Bàn Văn M không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San